

KQ/240001306
 No.: NA240328-09NT01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO**
 Địa chỉ/ Address : 79/43 Đường Nguyễn Huệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH DEHEUS - CHI NHÁNH CẦN THƠ 1** – Lô 2.13, Đường trục chính, KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ
 Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 28/03/2024
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 10/04/2024
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu nước trong chai nhựa 1*2L, 1*1L, chai thủy tinh 1*1L, 1*2500mL.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 40:2011/ BTNMT
					NT01	Cột B/ Column B
1.	pH/ pH value	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	6,21	5,5 ÷ 9
2.	Nhiệt độ/ Temperature	°C	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50	30,2	40
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)/ Biochemical oxygen demand	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0	13,3	50
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)/ Chemical oxygen demand	mg/L	SMEWW 5220C:2017	2,0	36,1	150
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)/ Total suspended solids	mg/L	SMEWW 2540D:2017	5,0	KPH	100
6.	Amoni (N-NH ₄ ⁺)/ Ammonium	mg/L	SMEWW 4500.NH ₃ . B&C:2017	1,0	7,9	10
7.	Tổng Nitơ/ Total nitrogen	mg/L	TCVN 6638:2000	1,0	11,9	40
8.	Tổng Photpho/ Total phosphorus	mg/L	SMEWW 4500-P. B&E:2017	0,01	3,6	6
9.	Tổng dầu, mỡ khoáng/ Mineral oil	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3	3,9	10
10.	Coliforms	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	2	1,3 x 10 ²	5.000

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;

KQ/240001306
No.: NA240328-09NT01

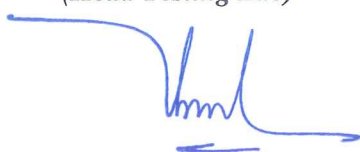
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



VILAS 1399

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp/ National technical regulation on industrial wastewater;
- NT01: Hồ thu nước thải trước khi đầu nối vào HTXL nước thải của KCN. Tọa độ: X=1118627; Y=576508.

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head Testing Lab)



Nguyễn Huỳnh Thùy Trang

TUQ: Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Hoàng Hoài



KQ/240001307
 No.: NA240328-09KT01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



VILAS 1399

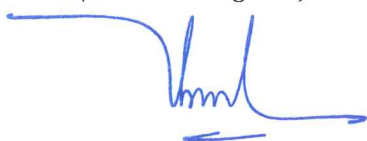
Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO**
 Địa chỉ/ *Address* : 79/43 Đường Nguyễn Huệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
 Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : **CÔNG TY TNHH DEHEUS - CHI NHÁNH CẦN THƠ 1** – Lô 2.13, Đường trục chính, KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ
 Tên mẫu/ *Name of sample* : Khí thải
 Số lượng/ *Quantity* : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ *Date of sampling* : 28/03/2024
 Ngày trả kết quả/ *Date of result* : 10/04/2024
 Mô tả mẫu/ *Description* : 1 giấy lọc, 1 chai thủy tinh.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 19:2009/ BTNMT
					KT01	Cột B/ Column B
1.	Bụi PM/ <i>PM Particles</i>	mg/Nm ³	US EPA Method 5	0,2	10,8	200
2.	Lưu lượng/ <i>Flow rate</i>	m ³ /h	US.EPA Method 2	0 ÷ 3.082.02 0	13.860	-
3.	CO	mg/Nm ³	QT-KT-008	0 ÷ 11.400	232,18	1.000
4.	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT-KT-008	0 ÷ 2.068	122,33	850
5.	O ₂	%	QT-KT-008	0 ÷ 21	16,74	-

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ *Test results are valid for the analysis sample only;*
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ *Sample is stored 7 days after released the test results;*
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ/ *National Technical Regulation on Industrial Emission of Inorganic Substances and Dust;*
- (-): Không quy định/ *No specified;*
- KT01: Đầu ra HTXL khí thải lò hơi công suất 20 tấn/giờ. Toạ độ: X= 1118974; Y= 576347.

**Trưởng phòng thí nghiệm
(Head Testing Lab)**



Nguyễn Huỳnh Thùy Trang

**TUQ8 Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



Hoàng Hoài

KQ/240001308
 No.: NA240328-09KT02

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO**
 Địa chỉ/ Address : 79/43 Đường Nguyễn Huệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH DEHEUS - CHI NHÁNH CẦN THƠ 1** – Lô 2.13, Đường trục chính, KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 28/03/2024
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 10/04/2024
 Mô tả mẫu/ Description : 1 giấy lọc, 1 chai thủy tinh.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 19:2009/ BTNMT
					KT02	Cột B/ Column B
1.	Bụi PM/ PM Particles	mg/Nm ³	US EPA Method 5	0,2	3,8	200
2.	Tiếng ồn/ Noise (*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 130	65,3	70 ^a

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Inorganic Substances and Dust;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn/ National technical regulation on Noise;
- (*): Phép thử chưa được chứng nhận Vimcerts/ Test isn't accredited according to Vimcerts;
- KT02: Đầu ra túi lọc vải. Toạ độ: X= 1118977; Y= 576350.

**Trưởng phòng thí nghiệm
(Head Testing Lab)**



Nguyễn Huỳnh Thùy Trang

**TUQ. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



Hoàng Hoài

KQ/240003359
 No.: NA240613-15NT01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO**
 Địa chỉ/ Address : 79/43 Đường Nguyễn Huệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH DEHEUS - CHI NHÁNH CẦN THƠ 1** – Lô 2.13, Đường trục chính, KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ
 Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 13/06/2024
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 21/06/2024
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu nước trong chai nhựa 1*2L, 2*1L, chai thủy tinh 1*1L, 1*250mL.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 40:2011/ BTNMF Cột B/ Column B
					NT01	
1.	pH/ pH value	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	7,44	5,5 ÷ 9
2.	Nhiệt độ/ Temperature	°C	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50	34,2	40
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)/ Biochemical oxygen demand	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0	10,4	50
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)/ Chemical oxygen demand	mg/L	SMEWW 5220C:2017	2,0	31,1	150
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)/ Total suspended solids	mg/L	SMEWW 2540D:2017	5,0	29,7	100
6.	Amoni (N ₂ NH ₄ ⁺)/ Ammonium	mg/L	SMEWW 4500.NH ₃ . B&F:2017	0,01	0,028	10
7.	Tổng Nito/ Total nitrogen	mg/L	TCVN 6638:2000	1,0	22,0	40
8.	Tổng Photpho/ Total phosphorus	mg/L	SMEWW 4500-P. B&E:2017	0,01	4,5	6
9.	Tổng dầu, mỡ khoáng/ Mineral oil	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3	2,6	10
10.	Coliforms	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	2	1,7 x 10 ²	5.000

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM VÀ
MÔI TRƯỜNG NAVITEK
NAVITEK FOOD & ENVIRONMENTAL TESTING JSC.



VIMCERTS 304

KQ/240003359
No.: NA240613-15NT01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)



VILAS 1399

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp/ National technical regulation on industrial wastewater;
- NT01: Hồ thu nước thải trước khi đầu nối vào HTXL nước thải của KCN. Tọa độ: X=1118627/ Y=576508.

Q. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)

Nguyễn Tuấn Huy

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR



Hoàng Hoài



KQ/240003360
 No.: NA240613-15KT01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO**
 Địa chỉ/ Address : 79/43 Đường Nguyễn Huệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH DEHEUS - CHI NHÁNH CẦN THƠ 1** – Lô 2.13, Đường trục chính, KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 13/06/2024
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 21/06/2024
 Mô tả mẫu/ Description : 1 giấy lọc, 1 chai thủy tinh.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 19:2009/ BTNMT
					KT01	Cột B/ Column B
1.	Bụi PM/ PM Particles	mg/Nm ³	US EPA Method 5	0,2	11,2	200
2.	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US.EPA Method 2	0 ÷ 3.082.020	27.240	-
3.	CO	mg/Nm ³	QT-KT-008	0 ÷ 11.400	189,24	1.000
4.	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT-KT-008	0 ÷ 2.068	168,57	850
5.	O ₂	%	QT-KT-008	0 ÷ 21	14,07	-

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Inorganic Substances and Dust;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KT01: Đầu ra HTXL khí thải lò hơi công suất 20 tấn/giờ. Toạ độ: X= 1118974/ Y= 576347.

**Q. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**

Nguyễn Tuấn Huy
**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**

Hoàng Hoài

KQ/240003361
 No.: NA240613-15KT02

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO**
 Địa chỉ/ Address : 79/43 Đường Nguyễn Huệ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH DEHEUS - CHI NHÁNH CẦN THƠ 1** – Lô 2.13,
 Đường trục chính, KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 13/06/2024
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 21/06/2024
 Mô tả mẫu/ Description : 1 giấy lọc, 1 chai thủy tinh.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 19:2009/ BTNMT
					KT02	Cột B/ Column B
1.	Bụi PM/ PM Particles	mg/Nm ³	US EPA Method 5	0,2	3,4	200
2.	Tiếng ồn/ Noise (*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 130	68,2	70 ^a

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Inorganic Substances and Dust;
- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn/ National technical regulation on Noise;
- (*): Phép thử chưa được chứng nhận Vincerts/ Test isn't accredited according to Vincerts;
- KT02: Đầu ra túi lọc vải. Toạ độ: X= 1118977/ Y= 576350.

**Q. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**

Nguyễn Tuấn Huy
**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR**

Hoàng Hoài



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:221709/MT/051709/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 02/10/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải (Đầu ra ống khói sau HTXL khí thải lò hơi)
Tọa độ: X: 0576347/ Y: 1118974
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 17/09/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 17/09/2024 đến 30/09/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO
661E/29 đường Võ Văn Kiệt, KV. Bình Yên A, phường Long Hòa, quận
Bình Thủy, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 051709
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h00 - 10h00 ngày 17/09/2024 tại Công ty TNHH Deheus - Chi nhánh Cần Thơ 1 - Lô 2.13, đường trục chính, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	7.485	-
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	6,80	180
3	Hàm lượng SO ₂	mg/Nm ³	HD 5.7 - QT - 27	< 2,62	450
4	Hàm lượng NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD 5.7 - QT - 27	99	765
5	Hàm lượng CO	mg/Nm ³	HD 5.7 - QT - 27	96	900

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; cột B với Kp=0,9 và Kv=1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 211709/MT/051709/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 02/10/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (Tại hồ thu nước thải trước khi đầu nối vào HTXLNT KCN)
Tọa độ: X: 0576508/ Y: 1118627
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 17/09/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 17/09/2024 đến 30/09/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO
661E/29 đường Võ Văn Kiệt, KV. Bình Yên A, phường Long Hòa, quận
Bình Thủy, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 051709
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h00 - 10h00 ngày 17/09/2024 tại Công ty TNHH Deheus - Chi nhánh Cần Thơ 1 - Lô 2.13, đường trục chính, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,21 (tại 28,1°C)	5,5 - 9
2	Hàm lượng chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2023	22,00	100
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	30	150
4	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	17	50
5	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	2,24	10
6	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	10,09	40
7	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	1,70	6
8	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	10
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	4,0 x 10 ³	5.000

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - cột B; với Kq, Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KH GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 200611/MT/160611/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 18/11/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (Tại hồ thu nước thải trước khi đầu nối vào HTXLNT KCN)
Tọa độ: 0576508/1118627
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2024 đến 16/11/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO
661E/29 đường Võ Văn Kiệt, KV. Bình Yên A, phường Long Hòa, quận
Bình Thủy, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 160611
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h00 - 11h00 ngày 06/11/2024 tại Công ty TNHH Deheus - Chi nhánh Cần Thơ 1 (Lô 2.13, đường trục chính, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ).

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,82 (tại 27,7°C)	5,5 - 9
2	Hàm lượng chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2023	18,50	100
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	28	150
4	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	17	50
5	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	< 2,10 ^(a)	10
6	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	8,97	40
7	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	1,22	6
8	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	10
9	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,3 x 10 ³	5.000

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - cột B; với K_q, K_f = 1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 210611/MT/160611/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 18/11/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Khí thải (Đầu ra ống khói sau HTXL khí thải lò hơi)
Tọa độ: 0576347/1118974
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2024 đến 16/11/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NANO
661E/29 đường Võ Văn Kiệt, KV. Bình Yên A, phường Long Hòa, quận
Bình Thủy, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 160611
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h00 - 11h00 ngày 06/11/2024 tại Công ty TNHH Deheus - Chi nhánh Cần Thơ 1 (Lô 2.13, đường trục chính, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ).

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	US EPA Method 2	9.147	-
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	6,67	180
3	Hàm lượng NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	HD 5.7 - QT - 27	31	765
4	Hàm lượng CO	mg/Nm ³	HD 5.7 - QT - 27	714	900

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; cột B với Kp=0,9 và Kv=1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.